



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Cơ khí- Động lực

Chuyên ngành: Kỹ thuật tàu thủy

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Trần Ngọc Tú**

2. Ngày tháng năm sinh: 10/08/1983; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Nam Giang, Nam Trực, Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 100 Nguyễn Văn Hới, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 100 Nguyễn Văn Hới, Cát Bi, Hải An, Hải Phòng.

Điện thoại nhà riêng: 0963.332.317; Điện thoại di động: 0963.332.317;
E-mail: tutn.dt@vimaru.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm: 2009 đến năm: 2010 – Làm giảng viên thực tập tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ năm: 2010 đến năm: 2013 – Làm NCS tại Trường Đại học kỹ thuật Hàng hải Quốc gia Xanh-Petecbua, LB Nga.

Từ năm: 2013 đến năm: 2016 – Làm giảng viên kiêm Phó trưởng bộ môn, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Từ năm: 2016 đến năm: nay – Làm giảng viên kiêm Phó trưởng khoa, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: 484 Lạch Tray, Kênh Dương, Lê Chân, TP Hải Phòng.

Điện thoại cơ quan: (+84). 225. 3829 109 / 3735 931.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng..... năm.....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):.....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 02 năm 2009, ngành: Kỹ sư hàng hải, chuyên ngành: Đóng tàu

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Kỹ thuật Hàng hải Quốc gia Xanh-Petecbua, LB Nga

- Được cấp bằng ThS ngày..... tháng..... năm....., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):.....

- Được cấp bằng TS ngày 30 tháng 09 năm 2013, ngành: Khoa học Kỹ thuật chuyên ngành: Kỹ thuật tàu thủy

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Kỹ thuật Hàng hải Quốc gia Xanh-Petecbua, LB Nga

- Được cấp bằng TSKH ngày.... tháng..... năm...., ngành:....., chuyên ngành:.....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):.....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày..... tháng..... năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư; tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Cơ khí- Động lực

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Thiết kế tàu trong giai đoạn thiết kế ban đầu gồm: Xác định các kích thước chủ yếu của tàu trong giai đoạn thiết kế ban đầu; tính toán các tính năng của tàu trong giai đoạn thiết kế ban đầu, tối ưu hóa hình dáng thân tàu trong giai đoạn thiết kế ban đầu.

- Tính toán các bài toán thủy động lực học tàu thủy bằng CFD: Mô phỏng, tính

toán lực cản tàu khi tàu chạy trên nước tĩnh, chạy trong vùng nước nông; mô phỏng tính toán chân vịt tàu thủy khi hoạt động ở chế độ tự do; mô phỏng tính toán chân vịt hoạt động sau thân tàu; mô phỏng tính toán các thông số tương tác thủy động giữa chân vịt và thân tàu; mô phỏng tính toán ảnh hưởng của độ chúi trong khai thác đến lực cản tàu phục vụ cho bài toán tối ưu hóa độ chúi của tàu trong khai thác nhằm giảm lực cản tàu từ đó làm tăng hiệu quả sử dụng năng lượng trên tàu trong quá trình khai thác.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng).... NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành (số lượng) 05 đề tài NCKH cấp Trường;
- Đã công bố (số lượng) 32 bài báo KH, trong đó có 07 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng)..... bằng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03, trong đó.... thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng..... tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất

Với sách: ghi rõ tên sách, tên các tác giả, NXB, năm XB, chỉ số ISBN; với công trình KH: ghi rõ tên công trình, tên các tác giả, tên tạp chí, tập, trang, năm công bố; nếu có thì ghi rõ tạp chí thuộc loại nào: ISI (SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI), Scopus hoặc hệ thống CSDL quốc tế khác; chỉ số ảnh hưởng IF của tạp chí và chỉ số trích dẫn của bài báo.

Công trình NCKH tiêu biểu:

- (1) Sách tham khảo (Chủ biên, tháng 3/2017). **TS. Trần Ngọc Tú**. *Đặc điểm thiết kế tàu Container*. Nhà xuất bản Hàng hải, 2017. ISBN: 978-604-937-079-3. Năm 2017.
- (2) Bài báo quốc tế (Tác giả chính, danh mục SCIE, tháng 3/2018, IF=0.232): **Tran Ngoc Tu**, Nguyen Manh Chien. *Comparison of different approaches for calculation of propeller open water characteristic using RANSE method*. *Naval Engineers Journal*, 2018. Volume 130, Number 1, 1 March 2018, pp. 105-111(7). ISSN: 0028-1425.
- (3) Bài báo quốc tế (Tác giả chính, danh mục SCIE, tháng 12/2018, IF=0.232): **Tran Ngoc Tu**, Marek Kraskowski; Nguyen Manh Chien Vu Tuan Anh, Do Luc Luu, Nguyen Kim Phuong. *Numerical study on the influence of trim on ship resistance in trim optimization process*. *Naval Engineers Journal*, 2018. Volume 130, Number 4, 1 Dec. 2018, pp. 133-142(9). ISSN: 0028-1425.
- (4) Bài báo quốc tế (Tác giả chính, danh mục SCIE, tháng 06/2019, IF=3.69): **Tran Ngoc Tu**. *Numerical simulation of propeller open water characteristics*

using RANSE method. Alexandria engineering journal. Volume 58, Issue 2, ISSN: 1110-0168.

- (5) Bài báo quốc tế (Tác giả chính, danh mục SCIE, tháng 06/2019, IF=0.76): **Tran Ngoc Tu**, Do Luc Luu, Nguyen Thi Hai Ha, Nguyen Thi Thu Quynh, Nguyen Minh Vu, 2019. *Numerical prediction of propeller-hull interaction characteristics using RANS method*. Polish Maritime Research. Issue: No 2(102) 2019 Vol 26, pp. 163-172. ISSN: 1233-2585.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giải nhì NCKH Neptune Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2016;
- Giải nhất cá nhân hội giảng cấp Trường, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2016;
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2014, 2015, 2016, 2017;
- Giấy khen của Đảng ủy Trường ĐH Hàng hải Việt Nam về việc “Đã có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2016.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá).

- Về tiêu chuẩn của nhà giáo: Tôi tôi thấy mình thỏa mãn đầy đủ các tiêu chuẩn đối với một nhà giáo cụ thể: Tôi luôn yêu thương, tôn trọng, mẫu mực và thân thiện với sinh viên và học viên, luôn giữ gìn đạo đức, uy tín và lương tâm nhà giáo; có lối sống lành mạnh; tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc; có năng lực chuyên môn và trình độ ngoại ngữ tốt; có năng lực nghiệp vụ sư phạm; có năng lực xây dựng, thực hiện môi trường giáo dục dân chủ; có năng lực trong xây dựng các mối quan hệ xã hội.

- Về nhiệm vụ của nhà giáo: Tôi tự nhận thấy mình luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo cụ thể: tôi đã trực tiếp giảng dạy đại học 07 năm liên tục cho nhiều thế hệ sinh viên thuộc các chuyên ngành như: Thiết kế tàu và Công trình ngoài khơi, Đóng tàu và Công trình ngoài khơi; Điều khiển tàu biển. Từ năm 2015 tôi bắt đầu tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy. Bản thân tôi luôn hoàn thành vượt định mức giảng dạy với chất lượng tốt điều này được minh chứng qua việc tôi đạt Giải nhất cá nhân trong Hội giảng cấp Trường năm 2016. Trong nghiên cứu khoa học tôi luôn tích cực, chủ động. Điều này được minh chứng bằng việc tôi đã công bố được tổng cộng 32 bài báo khoa học trong đó có 07 bài báo Quốc tế thuộc danh mục SCIE và Scoups, thực hiện 05 đề tài NCKH cấp Trường. Năm 2016 tôi được nhà Trường xét đạt giải nhì giải thưởng NCKH NEPTUNE.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: 07 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014			0	225 (15 SV)	240 (16TC)	0	240/475 <i>Định mức giờ chuẩn quy đổi PTBM 204 giờ</i>
2	2014-2015			75 (03 HV)	90 (06 SV)	240 (16TC)	30 (2 TC)	240/405 <i>Định mức giờ chuẩn quy đổi PTBM 204 giờ</i>
3	2015-2016			25 (01 HV)	60 (04 SV)	180 (12TC)	60 (4 TC)	180/265 <i>Định mức giờ chuẩn quy đổi PTBM 204 giờ</i>
3 năm học cuối								
4	2016-2017			50 (02 HV)	25 (03 SV)	150 (10TC)	60 (4 TC)	150/285 <i>Định mức giờ chuẩn quy đổi PCNK 180 giờ</i>
5	2017-2018			0	25 (03 SV)	150 (10TC)	30 (2 TC)	150/205 <i>Định mức giờ chuẩn quy đổi PCNK 180 giờ</i>
6	2018-2019			0	25 (03 SV)	150 (10TC)	30 (2 TC)	150/205 <i>Định mức giờ chuẩn quy đổi PCNK 180 giờ</i>

Ghi chú:

- Tổng số giờ giảng dạy là tổng số giờ thực tế giảng dạy trên lớp (đã trừ số giờ quy đổi);
- Số giờ giảng dạy đại học, cao học chưa bao gồm giờ chấm thi quy đổi;
- Các chữ viết tắt: PTBM: Phó trưởng bộ môn; PCNK: Phó chủ nhiệm Khoa; TC – Tín chỉ; HV: Học viên; SV: Sinh viên.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Nga, Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☒; Tại nước: LB Nga; Từ năm 2003 đến năm 2009

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: LB Nga năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:..... số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):.....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:.....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng)

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từ..... đến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Vũ Tuấn Anh		x	x		4/2014- 10/2014	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	2015/ Quyết định cấp bằng số 1650
2	Nguyễn Văn Dương		x	x		4/2014- 10/2014	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	2015/ Quyết định cấp bằng số 1655
3	Lê Đức Lâm		x	x		4/2014- 10/2014	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	2015/Quyết định cấp bằng số 1660
4	Nguyễn Thắng Lợi		x	x		10/2015- 4/2016	Trường ĐH Hàng	2016/Quyết định cấp bằng

							hải Việt Nam	số 1976
5	Đậu Ngọc Bình		x	x		03/2017-09/2017	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	2018/ Quyết định cấp bằng số 3159
6	Cao Hùng Cường		x	x		03/2017-09/2017	Trường ĐH Hàng hải Việt Nam	2018/ Quyết định cấp bằng số 3160

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Đặc điểm thiết kế thiết bị lặn, ISBN: 978-604-937-136-3	GT	Nhà xuất bản Hàng hải, 2017	1	MM	Nằm trong tập II hồ sơ của ứng viên
2	Đặc điểm thiết kế tàu container ISBN: 978-604-937-079-3	TK	Nhà xuất bản Hàng hải, 2017	1	MM	
3	Đặc điểm thiết kế tàu và Công trình nổi ISBN: 978-604-937-077-9	GT	Nhà xuất bản Hàng hải, 2016	2	64-119	

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phản ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang..... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT:..)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	ĐT: Nghiên cứu xây dựng phương pháp xác định các kích thước chủ yếu của tàu Container loại mở (Open-Top Container Ships)	CN	Cấp Trường	2013-2014	12/06/2014
2	ĐT: Nghiên cứu xây dựng mô hình toán học thiết kế tàu container loại mở trong giai đoạn thiết kế ban đầu	CN	Cấp Trường	2014-2015	11/06/2015
3	ĐT: Nghiên cứu một số phương pháp xác định lực cản bổ sung của tàu trên sóng	CN	Cấp Trường	2016-2017	15/06/2017
4	ĐT: Ứng dụng star-ccm+ tính toán các thông số thủy động của chong chóng tự do	CN	Cấp Trường	2018-2019	15/06/2018
5	ĐT: Nghiên cứu mô phỏng, tính toán sự tương tác thủy động giữa chong chóng và thân tàu với sự hỗ trợ của star-ccm+	CN	Cấp Trường	2018-2019	6/6/2019

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế).

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

(Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: Trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; đối với ứng viên GS: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/ số	Trang	Năm công bố
1. Trước thời điểm bảo vệ học vị tiến sĩ								

1	Особенности определения ширины ячеистых контейнеровозов	2	Морские интеллектуальные технологии, ISSN 2073-7173			№2(12)	11-20	2011
2	Обоснование состава контейнерного флота при линейной организации транспортного судоходства	1	Вестник АГТУ. Сер.: Морская техника и технология, ISSN 2037-1574			№ 1	62-69	2012
3	Особенности определения высоты борта ячеистых контейнеровозов	2	Морской вестник. Специальный выпуск ISSN 1812-3694			№1(9)	9-11	2012

2. Sau thời điểm bảo vệ học vị tiến sĩ

2.1. Danh mục các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI

4	Comparison of different approaches for calculation of propeller open water characteristic using RANSE method	2	Naval Engineers Journal, ISSN: 0028-1425 (IF 0.232)	SCIE (IF = 0.232)		130(1)	105-111	2018
5	Numerical study on the influence of trim on ship resistance in trim optimization process	6	Naval Engineers Journal, ISSN: 0028-1425 (IF 0.232)	SCIE (IF = 0.232)		130(4)	133-142	2018
6	Numerical prediction of propeller-hull interaction characteristics	5	Polish Maritime Research. Issue: No 2(102) 2019 Vol 26, Pp. 163-172. ISSN:	SCIE (IF = 0.76)		2(102)	163-172	2019

	using RANS method		1233-2585					
7	Numerical simulation of propeller open water characteristics using RANSE method	1	Alexandria engineering journal ISSN:1110-0168	SCIE (IF = 3.69)		58(2)		2019
2.2. Danh mục các bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus								
8	Numerical prediction of ship resistance in calm water by using RANS method	6	<i>Journal of Engineering and Applied Sciences</i> ISSN 1818-7803	Scopus (IF = 0.31)		13(17)	7210-7214	2018
9	Application of panel method to calculate ship resistance	2	International Journal of Engineering and Technology (UAE). ISSN 2227-524X	Scopus (IF=0.08)		7(4.36)	121-124	2018
10	Hydrodynamics Calculation of Propeller with PBCF By RANSE CFD Method	3	International Journal of Innovative Technology and Exploring Engineering (IJITEE) ISSN: 2278-3075	Scopus (IF = 0.03)		Vol.8 Issue-6, April 2019	594-598	2019
2.3. Danh mục các bài báo đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế								
11	Экспресс-оценка основных характеристик навалочных судов по заданному дедвейту	2	Фундаментальные исследования океанотехники и морской инфраструктуры: Теория. ISBN 978-5-7765-1126-4/				36-38	2015
12	EEDI reduction	2	International				253-	2016

	by investigating the capability of RANSE CFD for propeller, propeller-hull form performance calculation during ship optimization process		Association of Maritime Universities 17 th Annual General Assembly, ISBN: 978-604-937-120-2				262	
13	Modelling reasonable operating regimes of the main propulsion plant: main diesel engine - propeller - hull on the general cargo ship	3	Association of Maritime Universities 17 th Annual General Assembly, ISBN: 978-604-937-120-2				360-371	2016
14	EEDI reduction by investigating methods of reducing ship resistance	4	International Association of Maritime Universities 18 th Annual General Assembly. ISBN 978-954-8991-96-4			Volume 1	460-469	2017
2.4. Danh mục các bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo trong nước								
15	Đặc điểm xác định các kích thước chủ yếu của tàu container cỡ nhỏ trong giai đoạn thiết kế ban đầu	1	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải, ISBN 978-604-76-0594-1				152-158	2015
16	Nghiên cứu đánh giá sự thay đổi ổn định của tàu trên sóng trong giai đoạn thiết kế ban đầu	3	Kỷ yếu hội nghị Quốc tế khoa học công nghệ hàng hải, ISBN 978-604-937-127-1				213-218	2016

17	Hệ thống hóa các phương pháp gần đúng xác định lực cản tàu trong giai đoạn thiết kế ban đầu	4	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Công nghệ toàn quốc về Cơ khí-Động lực. ISBN: 978 – 604 – 73 – 5602 – 7				384-389	2017
18	Ý tưởng thiết kế tàu sử dụng nước dẫn tự do	3	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Công nghệ toàn quốc về Cơ khí-Động lực. ISBN: 978 – 604 – 73 – 5602 – 7				390-395	2017
19	Mô hình hóa sự thay đổi đặc tính vỏ tàu và chân vịt tàu biển chở hàng tổng hợp ở chế độ đo kiểm hiện tại	2	Kỷ yếu hội nghị Khoa học Công nghệ toàn quốc về Cơ khí-Động lực. ISBN: 978 – 604 – 73 – 5602 – 7				418-423	2017

2.5. Danh mục các bài báo đăng trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN có xuất bản trực tuyến

20	Xây dựng phương pháp tính toán dung tích chở container trong thiết kế tàu container	1	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№38	21-25	2014
21	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của hình dáng thiết bị lặn đến các thông số thủy động lực học của chúng	1	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải. ISSN 1859-316X			№39	55-60	2014
22	Tối ưu hóa các thông số chủ yếu của tàu có tính đến các yếu tố ngẫu nhiên đầu vào	1	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№40	85-90	2014

23	Đặc điểm xác định các thông số chủ yếu của tàu hàng rời trong giai đoạn thiết kế ban đầu	2	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№42	80-84	2015
24	Nghiên cứu các đặc trưng kinh tế-kỹ thuật của tàu chở khí tự nhiên ở dạng nén	2	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№44	94-97	2015
25	Đặc điểm xác định các thông số chủ yếu của tàu đệm khí lưỡng cư cỡ nhỏ trong giai đoạn thiết kế ban đầu	2	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№45	5-8	2016
26	Mô hình hóa đặc tính vỏ tàu, chân vịt trên tàu biển chở hàng tổng hợp trong điều kiện khai thác bình thường	3	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№46	4-8	2016
27	Xây dựng mô hình chức năng hệ động lực chính Diesel-vỏ tàu-chân vịt trên tàu biển chở hàng tổng hợp, tại các chế độ khai thác đặc biệt	3	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№48	3-8	2016
28	Đảm bảo các yêu cầu của công ước quốc tế về nước dẫn và cặn lắng tàu biển dưới góc độ nhà thiết kế	2	Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải ISSN 1859-316X			№49	43-46	2017
2.6. Danh mục các bài báo đăng trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN không có xuất bản trực tuyến								
29	Mô phỏng, tính toán chòng chành	3	Tạp chí Khoa học công nghệ			№23	28-32	2017

	tàu trên sóng điều hòa với sự hỗ trợ của phần mềm Ansys Aqwa		giao thông vận tải số, ISSN 1859-4263.					
30	Prediction of added resistance and motions of a ship in head waves using linear strip theory	4	Tạp chí Khoa học công nghệ giao thông vận tải số, ISSN 1859-4263			No27+28	98-103	2018
31	Numerical investigation effect of shallow water on ship resistance using RANS method	1	Tạp chí Khoa học công nghệ giao thông vận tải số, ISSN 1859-4263			No27+28	86-92	2018
32	Nghiên cứu mô phỏng, tính toán sự tương tác thủy động giữa chong chóng và thân tàu bằng phương pháp RANSE	1	Tạp chí Khoa học công nghệ giao thông vận tải số, ISSN 1859-4263			No30	23-30	2018

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS: 07

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: *Không có*

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):
Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

Trong thời gian giảng dạy tại Khoa Đóng tàu, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, tôi đã cùng với ban soạn thảo chương trình đào tạo của Khoa tham gia xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học gồm:

- Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành đóng tàu áp dụng cho Khóa 54 trở đi. Chương trình đã được Hiệu Trường phê duyệt ngày. Sự đóng góp của tôi đã tham gia vào việc xây dựng chương trình khung, tham gia biên soạn đề cương chi tiết các học phần.

- Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành đóng tàu theo cách tiếp cận CDIO cho Khóa 58 trở đi. Chương trình đã được Hiệu Trường phê duyệt.

- Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy cho Khóa 58 trở đi. Chương trình đã được Hiệu Trường phê duyệt.

- Chương trình đào tạo Tiến sỹ chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy. Chương trình đã được Hiệu Trưởng phê duyệt.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2019

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Ngọc Tú

D. XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung “Thông tin cá nhân” ứng viên đã kê khai là đúng;
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

+ Ông **Trần Ngọc Tú** là giảng viên đại học từ năm 2009, chính thức từ năm 2010 tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, tổng số thâm niên làm công tác đào tạo cho đến năm 2019 là 07 năm (không tính thời gian 01 tập sự và 03 năm NCS ở nước ngoài).

+ Trong thời gian làm việc tại Trường, ông Trần Ngọc Tú luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và nhiều năm được công nhận là Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2019

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. *Phạm Xuân Dương*